

Bản án số: 03/2020/DS-ST,
Ngày 12/5/2020,
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2/. Ông **Nguyễn Văn Ngự**

Thư ký Tòa án: Ông **Đinh Quốc Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hương** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 19/02/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS, ngày 18/3/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm số 07/TB-TA ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng T**

Địa chỉ: đường N, phường T, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông **Lê Nguyễn Khoa N**; Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ thuộc Ngân hàng T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyên: là ông **Nguyễn S**; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng T; Địa chỉ: đường T, khóm T, phường c, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt). Theo giấy ủy quyền số 430/2020/UQ-TTT, ngày 18/3/2020.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trần Thành L**

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng T ngày 24/9/2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/8/2013 Ngân hàng có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cấp 02 thẻ tín dụng visa Credit Classic 472074-6721 và thẻ Family Local Credit 970403-5760 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.513.500 đồng, trong đó thẻ visa Credit Classic 9.513.500 đồng, Family Local Credit 9704035760 là 20.000.000 đồng

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 23.432.000 đồng, trong đó thẻ visa Credit Classic 6.251.000 đồng, Family Local Credit 9704035760 là 17.181.000 đồng.

Qua nhiều lần nhắc nhở ông L không có thiện chí trả nợ, ngày 06/10/2014 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông L và chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/8/2019 ông L còn nợ tổng cộng 33.617.141 đồng, cụ thể như sau:

Thẻ visa Credit Classic là 16.212.455 đồng

Thẻ Family Local Credit là 17.404.686 đồng

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trần Thành L thanh toán cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 25/8/2019 là 33.617.141 đồng trong đó nợ gốc là 10.940.501 đồng, lãi quá hạn: 22.676.640 đồng.

Ông Nguyễn Trần Thành L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/8/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đối với ông Nguyễn Trần Thành L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để cung cấp lời khai, tham gia phiên hòa giải, nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Trần Thành L theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có ý kiến thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông Nguyễn Trần Thành L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/5/2020 là 36.932.885 đồng, trong đó nợ gốc là 10.940.501 đồng, lãi quá hạn là 25.992.384 đồng. Xét thấy, yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện và không trái pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ pháp luật và yêu cầu của đương sự:

[3] Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2019 của Ngân hàng T và việc nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Trần Thành L. Khi thụ lý đã xác định "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử cần xác định lại là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi ông Lộc, cư trú, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về nội dung cho thấy: Ngày 02/8/2013 Ngân hàng T có ký hợp đồng cấp 02 thẻ tín dụng: thẻ tín dụng visa Credit Classic 472074-6721 và thẻ Family Local Credit 970403-5760 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, có xác nhận chữ ký của ông Nguyễn Trần Thành L. Sau khi được cấp ông L đã kích hoạt thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.513.500đ trong đó thẻ visa Credit Classic 9.513.500đ, Family Local Credit 9704035760 là 20.000.000 đồng, đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 23.432.000 đồng, trong đó thẻ visa Credit Classic 6.251.000 đồng, Family Local Credit 9704035760 là 17.181.000đ. Tính đến ngày 12/5/2020 ông L còn nợ tổng cộng 36.932.885 đồng, trong đó nợ gốc là 10.940.501 đ, lãi quá hạn: 25.992.384 đồng. Phía ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở ông Lộc vẫn không thanh toán số tiền trên. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn Nguyễn Trần Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản trả lời, không có ý kiến gì về nội dung vụ án.

[5] Như vậy, giữa Ngân hàng T có ký hợp đồng cấp 02 thẻ tín dụng: thẻ tín dụng visa Credit Classic 472074-6721 và thẻ Family Local Credit 970403-5760 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, có xác nhận chữ ký của ông Nguyễn Trần Thành L. Đây là hợp đồng tín dụng có lãi suất, các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện hợp đồng, theo đó bên Ngân hàng (bên cho vay) còn việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền là ông L (bên nhận vay) và nhận tiền vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền cho Ngân hàng, nên ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc bị đơn ông Nguyễn Trần Thành Lộc phải trả tiền cho Ngân hàng vốn và lãi tính đến ngày xét xử là ngày 12/5/2020 là 36.932.885 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể:

Nợ gốc: 10.940.501 đồng

Lãi quá hạn: 25.992.384 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là: 36.932.885 đồng.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Trần Thành L trả tiền vay và lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/5/2020, là 36.932.885 đồng, trong đó nợ gốc là: 10.940.501 đồng, lãi quá hạn: 25.992.384 đồng. Ông Nguyễn Trần Thành L có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 13/5/2020 cho đến khi trả nợ vay theo quy định.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Bị đơn ông Nguyễn Trần Thành L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân HÀNG T. Buộc ông Nguyễn Trần Thành L phải trả cho Ngân Thương số tiền còn nợ tổng cộng là: 36.932.885. Cụ thể:

Nợ gốc: 10.940.501 đồng

Lãi quá hạn: 25.992.384 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là: 36.932.885 đồng.

2. Kể từ ngày 13/5/2020, ông Nguyễn Trần Thành L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Trần Thành L phải tiếp tục thanh toán

cho Ngân cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân HÀNG T

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Trần Thành L phải chịu 1.846.000 đồng án phí có giá ngạch (đã tính tròn số).

Hoàn trả cho Ngân Thương T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 840.000 đồng theo biên lai số 0008883 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

4. Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- TAND tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Văn Nhẫn